

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày 19 – 01 - 2022

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hữu Bình

Các hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Kha

Ông Nguyễn Văn Được

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Nga

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài: Bà Đặng Thị Hương -
Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Thành phố Đồng Xoài mở phiên Tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 128/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 về: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 35/2021/QĐST-DS ngày 20/12/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Khắc T – SN: 1987; Trú tại: Khu phố 4, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (Có đơn xin vắng mặt)

- **Bị đơn:** Bà Lê Thị T – SN: 1985; Trú tại: Khu phố T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (vắng mặt)

NHẬN THẤY

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông Trần Khắc T trình bày:

Do quen biết với bà Lê Thị T nên vào ngày 07/9/2020 ông T có cho bà T vay số tiền 131.000.000.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu đồng*).

Vay không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì, không tính lãi suất, mục đích vay tiền là để bà T lo việc cá nhân, thời hạn trả nợ vào ngày 18/12/2020.

Các bên có làm giấy cam kết trả nợ với nhau.

Trong thời gian vay nợ bà T có trả cho ông T được số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*). Số tiền bà T còn nợ lại là 101.000.000đ (*Một trăm lẻ một triệu đồng*)

Đến thời hạn trả bà T không trả, ông T đã liên hệ điện thoại và đến gặp bà T nhiều lần nhưng bà cứ hẹn hết lần này đến lần khác không chịu trả.

Nay ông T yêu cầu bà Lê Thị T phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 101.000.000đ (*Một trăm lẻ một triệu đồng*) và lãi suất tính từ ngày 19/12/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày:

Phản phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài :

Về trình tự thủ tục tố tụng từ khi thụ lý cho đến tại phiên Toà: Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự 2015; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc T, buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông T số tiền 101.000.000đ (*Một trăm lẻ một triệu đồng*) và lãi suất tính từ ngày 19/12/2020 cho đến khi xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN :

Sau khi nghiên cứu đầy đủ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền của Toà án :* Đây là vụ án dân sự về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”. Trong đó, bị đơn là bà Lê Thị T hiện cư trú tại khu phố T, phường T, thành phố Đ. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.

[1.2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn là ông Trần Khắc T, bị đơn bà Lê Thị T. Xét thấy vào ngày 30 tháng 11 năm 2021 ông T có đơn xin xét xử vắng mặt; Đối với bị đơn bà T mặc dù đã được Tòa án T hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên xem như bà T từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông T, bà T theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung vụ án;

[2.1] Về khoản tiền gốc: Xét yêu cầu của Nguyên đơn ông Trần Khắc T yêu cầu bà Lê Thị T phải có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 101.000.000đ (*Một trăm lẻ một triệu đồng*)

Toà án nhận thấy: Việc nguyên đơn ông T cho bị đơn bà T vay tiền được nguyên đơn chứng minh bằng giấy cam kết trả nợ lập ngày 07 tháng 9 năm 2020 với nội dung “*tôi Lê Thị T, SN: 1985, số CMND 285675273, cấp ngày 11/7/2013, do CA Bình Phước cấp; có chồng là Dư Công Tình, SN: 1972, công tác tại Đồn Biên phòng Lộc Thành, Lộc Ninh, Bình Phước; tôi có nhận vay của ông Trần Khắc T số tiền 131.000.000đ (số*

tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi một triệu đồng chẵn); Hẹn đến ngày 18/12/2020 sẽ thanh toán đủ số tiền cho ông T”, phía dưới có chữ ký và viết tên Lê Thị T và có ghi thêm nội dung “*đã trả trước số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)*”. Tòa án đã T hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng bà T vẫn vắng mặt. Do bà T vắng mặt và không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định việc bà T có vay số tiền 131.000.000đ (*Một trăm ba mươi một triệu đồng*) của ông T là có thật, bà T đã trả được số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng*) cho ông T và hiện nay còn nợ lại ông T số tiền 101.000.000đ (*Một trăm lẻ một triệu đồng*). Tại giấy cam kết trả nợ bà T cam kết trả nợ cho ông T vào ngày 18/12/2020, tuy nhiên vào ngày 18/12/2020 bà T không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử căn buộc bà Lê Thị T phải trả cho nguyên đơn ông T số tiền còn nợ 101.000.000đ (*Một trăm lẻ một triệu đồng*).

[2.2]. Xét yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn nhận thấy: Căn cứ vào giấy cam kết trả nợ ngày 07/9/2020 thì đây là hợp đồng vay có thời hạn nhưng không có lãi suất. Thời hạn các bên thống nhất trả nợ vào ngày 18/12/2020. Do bà T không trả nên ngày 19/12/2020 là ngày bà T bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, nguyên đơn ông T yêu cầu bà T phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2020 cho đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của pháp luật là có căn cứ. Toà án căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tính tiền lãi cụ thể như sau: Lãi suất của số tiền 101.000.000đ (*Một trăm lẻ một triệu đồng*) tính từ ngày 19 tháng 12 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 19 tháng 01 năm 2022 (thời gian là 13 tháng) là $101.000.000đ \times 10\%/năm \times 13 \text{ tháng} = 10.941.700đ$ (*Mười triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm đồng*).

Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi bà Lê Thị T phải trả cho ông Trần Khắc T là 111.941.700đ (*Một trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm đồng*).

[3] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Khắc T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí. Bà Lê Thị T phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho ông T theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227; 228 Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Khắc T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

Buộc bà Lê Thị T phải trả cho ông Trần Khắc T tổng số tiền là 111.941.700đ (*Một trăm mười một triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm đồng*); Trong đó tiền gốc là 101.000.000đ (*Một trăm lẻ một triệu đồng*), tiền lãi là 10.941.700đ (*Mười triệu, chín trăm bốn mươi một nghìn, bảy trăm đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị T phải chịu 5.597.000đ (*Năm triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng*).

Ông Trần Khắc T không phải chịu án phí hoàn trả cho ông T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0026383 ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Chi cục thi hành án thành phố Đ.

3. Về quyền kháng cáo.

Ông Trần Khắc T, bà Lê Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP Đ;
- Chi cục THADS TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSPA-VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

đã ký

Hoàng Hữu Bình

